

BẢNG TỔNG HỢP ĐTB, HẠNH KIỂM, HỌC LỰC, DANH HIỆU
HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2015-2016

TT	Họ và tên	HK	Toán	Vật lý	Hóa	Sinh	Tin	Ngữ văn	L.Sử	Địa lý	Tiếng anh	GDCD	C Nghệ	Tđục	GDQP		ĐTB	Nghi CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	Danh hiệu	Kết quả
1	Bùi Thị Hải Anh	HK1	7.3 ₂₄	6.8 ₂₇	8.2 ₁₇	7.6 ₂₀	7.9 ₁₈	8.7 ₂	9.1 ₁	7.6 ₁₄	7.8 ₉	9.1 ₁	7.4 ₁₉	Đ			8.0 ₅	0 0	G	T	GIOI	
2	Đỗ Hoàng Anh	HK1	7.0 ₃₁	7.5 ₁₄	8.8 ₃	7.7 ₁₇	8.6 ₂	7.3 ₃₃	8.1 ₁₅	7.6 ₁₄	8.5 ₅	8.0 ₁₇	7.6 ₁₁	Đ			7.9 ₁₃	0 0	K	T	TT	
3	Vũ Thị Nguyệt Anh	HK1	7.9 ₁₃	8.3 ₂	8.2 ₁₇	7.7 ₁₇	8.8 ₁	7.5 ₂₆	8.1 ₁₅	7.9 ₃	6.9 ₂₅	8.2 ₇	7.6 ₁₁	Đ			7.9 ₁₃	0 0	K	T	TT	
4	Phạm Thị Phương Anh	HK1	7.9 ₁₃	7.2 ₂₁	8.3 ₁₄	8.4 ₃	7.3 ₃₅	8.1 ₉	7.9 ₂₂	7.5 ₁₉	7.2 ₂₁	7.9 ₁₉	7.7 ₉	Đ			7.8 ₁₇	0 0	K	T	TT	
5	Mạc Thị Quỳnh Anh	HK1	8.8 ₁	8.9 ₁	8.6 ₈	8.5 ₂	8.4 ₅	9.0 ₁	9.1 ₁	8.7 ₁	7.5 ₁₈	8.3 ₅	8.1 ₃	Đ			8.5 ₁	0 0	G	T	GIOI	
6	Đặng Thị Tú Anh	HK1	8.0 ₉	6.2 ₃₄	7.8 ₃₁	7.1 ₃₁	7.5 ₃₀	6.9 ₃₇	8.3 ₁₃	7.1 ₃₀	7.8 ₉	7.9 ₁₉	7.3 ₂₃	Đ			7.4 ₂₉	0 0	K	T	TT	
7	Nguyễn Thị Vân Anh	HK1	7.7 ₁₇	7.8 ₈	7.8 ₃₁	7.9 ₁₂	8.3 ₉	8.2 ₆	8.6 ₄	7.9 ₃	7.6 ₁₄	7.9 ₁₉	7.8 ₈	Đ			8.0 ₅	0 0	G	T	GIOI	
8	Đồng Ngọc Ánh	HK1	7.0 ₃₁	7.4 ₁₇	8.3 ₁₄	7.5 ₂₄	7.6 ₂₆	7.5 ₂₆	8.0 ₂₀	7.3 ₂₃	6.3 ₃₅	7.9 ₁₉	7.6 ₁₁	Đ			7.5 ₂₅	0 0	K	T	TT	
9	Nguyễn Thị Giang	HK1	7.6 ₁₉	6.7 ₃₀	8.2 ₁₇	7.4 ₂₅	7.8 ₂₁	8.1 ₉	7.9 ₂₂	7.3 ₂₃	6.5 ₃₃	6.9 ₃₅	7.4 ₁₉	Đ			7.4 ₂₉	0 0	K	T	TT	
10	Mạc Thị Hà	HK1	7.2 ₂₈	5.7 ₃₉	8.7 ₅	7.1 ₃₁	7.3 ₃₅	7.7 ₂₁	8.9 ₃	6.9 ₃₅	6.6 ₂₈	7.9 ₁₉	7.1 ₃₀	Đ			7.4 ₂₉	0 0	K	T	TT	
11	Nguyễn Thị Hà	HK1	7.7 ₁₇	5.8 ₃₈	7.7 ₃₅	7.3 ₂₉	7.2 ₃₈	7.0 ₃₆	8.1 ₁₅	6.6 ₃₈	6.3 ₃₅	7.4 ₃₁	7.1 ₃₀	Đ			7.1 ₃₆	0 0	K	T	TT	
12	Đỗ Thị Hào	HK1	7.5 ₂₀	7.3 ₁₉	8.2 ₁₇	7.1 ₃₁	7.8 ₂₁	7.6 ₂₃	7.9 ₂₂	7.3 ₂₃	8.4 ₆	7.9 ₁₉	7.6 ₁₁	Đ			7.7 ₁₉	0 0	K	T	TT	
13	Cao Thanh Hằng	HK1	7.4 ₂₂	6.9 ₂₃	8.0 ₂₇	6.7 ₃₈	7.8 ₂₁	7.4 ₃₀	7.6 ₃₃	7.3 ₂₃	8.2 ₇	8.1 ₁₁	7.1 ₃₀	Đ			7.5 ₂₅	0 0	K	T	TT	
14	Phạm Thu Hiền	HK1	8.5 ₄	8.0 ₄	7.7 ₃₅	6.9 ₃₆	7.6 ₂₆	7.9 ₁₈	7.9 ₂₂	7.4 ₂₁	6.7 ₂₆	7.4 ₃₁	7.1 ₃₀	Đ			7.6 ₂₁	0 0	K	T	TT	
15	Vũ Thị Hạnh Hoa	HK1	8.1 ₇	6.9 ₂₃	7.8 ₃₁	7.8 ₁₅	8.4 ₅	7.9 ₁₈	8.0 ₂₀	7.9 ₃	8.9 ₁	8.3 ₅	8.0 ₆	Đ			8.0 ₅	0 0	G	T	GIOI	
16	Phạm Thanh Huyền	HK1	7.2 ₂₈	7.4 ₁₇	8.7 ₅	7.0 ₃₄	7.5 ₃₀	8.2 ₆	7.6 ₃₃	7.6 ₁₄	6.1 ₃₈	6.9 ₃₅	7.5 ₁₆	Đ			7.4 ₂₉	0 0	K	T	TT	
17	Trần Thủy Hương	HK1	5.0 ₃₉	6.1 ₃₆	7.4 ₃₉	8.0 ₈	7.6 ₂₆	6.2 ₃₉	7.9 ₂₂	6.4 ₃₉	7.2 ₂₁	8.6 ₂	7.2 ₂₉	Đ			7.1 ₃₆	0 0	Tb	T		
18	Đào Thị Lâm	HK1	7.2 ₂₈	6.6 ₃₁	8.3 ₁₄	8.0 ₈	7.3 ₃₅	7.6 ₂₃	7.8 ₃₁	7.2 ₂₈	6.1 ₃₈	8.5 ₄	7.3 ₂₃	Đ			7.4 ₂₉	1 0	K	T	TT	
19	Quách Thủy Liên	HK1	8.8 ₁	7.6 ₁₂	9.0 ₁	7.6 ₂₀	8.4 ₅	7.4 ₃₀	8.6 ₄	7.9 ₃	8.6 ₄	7.8 ₂₉	7.6 ₁₁	Đ			8.1 ₃	0 0	G	T	GIOI	
20	Cao Thị Thủy Linh	HK1	8.2 ₆	7.5 ₁₄	8.8 ₃	7.9 ₁₂	7.5 ₃₀	8.0 ₁₅	8.6 ₄	7.3 ₂₃	7.4 ₂₀	8.0 ₁₇	8.4 ₁	Đ			8.0 ₅	0 0	G	T	GIOI	
21	Nguyễn Thị Thùy Linh	HK1	8.0 ₉	7.9 ₅	8.5 ₉	7.4 ₂₅	8.5 ₃	8.0 ₁₅	7.9 ₂₂	7.8 ₁₁	7.6 ₁₄	7.9 ₁₉	7.0 ₃₇	Đ			7.9 ₁₃	0 0	K	T	TT	
22	Nguyễn Thị Thùy Linh	HK1	7.3 ₂₄	6.8 ₂₇	8.2 ₁₇	7.6 ₂₀	7.4 ₃₄	7.7 ₂₁	7.4 ₃₇	7.1 ₃₀	6.3 ₃₅	8.2 ₇	8.1 ₃	Đ			7.5 ₂₅	0 0	K	T	TT	
23	Phạm Ngọc Mai	HK1	8.3 ₅	7.9 ₅	9.0 ₁	8.4 ₃	8.1 ₁₃	8.1 ₉	8.4 ₁₀	7.8 ₁₁	7.6 ₁₄	7.9 ₁₉	7.5 ₁₆	Đ			8.1 ₃	0 0	G	T	GIOI	
24	Nguyễn Thị Kiều Máy	HK1	7.5 ₂₀	7.2 ₂₁	8.1 ₂₃	7.7 ₁₇	8.2 ₁₀	8.0 ₁₅	8.5 ₈	7.9 ₃	8.9 ₁	7.6 ₃₀	8.1 ₃	Đ			8.0 ₅	0 0	G	T	GIOI	
25	Đoàn Thị Thủy Nga	HK1	7.4 ₂₂	7.5 ₁₄	8.1 ₂₃	7.6 ₂₀	8.2 ₁₀	8.1 ₉	7.8 ₃₁	7.9 ₃	8.2 ₇	8.1 ₁₁	8.0 ₆	Đ			7.9 ₁₃	0 0	K	T	TT	
26	Hoàng Thị Nhung	HK1	6.5 ₃₇	6.2 ₃₄	7.9 ₃₀	7.4 ₂₅	7.5 ₃₀	7.6 ₂₃	7.6 ₃₃	7.1 ₃₀	6.7 ₂₆	7.4 ₃₁	7.5 ₁₆	Đ			7.2 ₃₅	1 0	K	K	TT	
27	Phạm Thị Minh Phương	HK1	8.0 ₉	6.4 ₃₂	8.0 ₂₇	6.8 ₃₇	7.6 ₂₆	8.1 ₉	7.6 ₃₃	7.9 ₃	6.6 ₂₈	7.9 ₁₉	7.4 ₁₉	Đ			7.5 ₂₅	0 0	K	T	TT	
28	Lê Thu Phương	HK1	7.8 ₁₅	7.3 ₁₉	8.4 ₁₁	7.8 ₁₅	7.7 ₂₅	7.4 ₃₀	8.3 ₁₃	7.1 ₃₀	7.8 ₉	8.2 ₇	7.4 ₁₉	Đ			7.7 ₁₉	0 0	K	T	TT	
29	Phạm Thu Phương	HK1	8.1 ₇	6.9 ₂₃	8.0 ₂₇	8.1 ₅	8.0 ₁₇	8.3 ₄	7.9 ₂₂	7.2 ₂₈	7.7 ₁₃	8.1 ₁₁	7.1 ₃₀	Đ			7.8 ₁₇	0 0	K	T	TT	
30	Phạm Thị Hương Thảo	HK1	7.8 ₁₅	7.8 ₈	8.7 ₅	8.0 ₈	7.9 ₁₈	8.1 ₉	8.5 ₈	7.5 ₁₉	7.8 ₉	8.1 ₁₁	7.3 ₂₃	Đ			8.0 ₅	1 0	G	T	GIOI	
31	Cao Thị Thảo	HK1	6.0 ₃₈	6.4 ₃₂	8.1 ₂₃	7.3 ₂₉	8.2 ₁₀	7.3 ₃₃	7.1 ₃₈	6.8 ₃₆	6.5 ₃₃	6.4 ₃₉	7.1 ₃₀	Đ			7.0 ₃₈	0 0	K	T	TT	
32	Nguyễn Thị Thùy	HK1	6.9 ₃₄	7.8 ₈	8.1 ₂₃	7.9 ₁₂	7.9 ₁₈	7.9 ₁₈	8.1 ₁₅	7.9 ₃	7.1 ₂₃	6.9 ₃₅	7.1 ₃₀	Đ			7.6 ₂₁	0 0	K	T	TT	
33	Lê Thị Thu Thủy	HK1	6.7 ₃₅	6.9 ₂₃	7.8 ₃₁	7.0 ₃₄	7.8 ₂₁	7.5 ₂₆	8.1 ₁₅	7.1 ₃₀	6.6 ₂₈	7.4 ₃₁	7.3 ₂₃	Đ			7.3 ₃₄	0 0	K	T	TT	

TT	Họ và tên	HK	Toán	Vật lý	Hóa	Sinh	Tin	Ngữ văn	L.Sử	Địa lý	Tiếng anh	GDCD	C Nghệ	Tdục	GDQP		ĐTB	Nghỉ CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	Danh hiệu	Kết quả
34	Đặng Thị Thủy	HK1	7.0 ³¹	6.0 ³⁷	7.5 ³⁸	6.0 ³⁹	6.8 ³⁹	6.5 ³⁸	5.8 ³⁹	6.8 ³⁶	6.6 ²⁸	6.9 ³⁵	6.8 ³⁸	Đ			6.6 ³⁹	0 0	K	T	TT	
35	Nguyễn Thị Hương Trang	HK1	6.7 ³⁵	7.9 ⁵	8.4 ¹¹	8.1 ⁵	8.1 ¹³	7.5 ²⁶	7.9 ²²	7.8 ¹¹	6.6 ²⁸	8.1 ¹¹	6.4 ³⁹	Đ			7.6 ²¹	0 0	K	K	TT	
36	Hoàng Thị Thu Trang	HK1	7.3 ²⁴	6.8 ²⁷	7.6 ³⁷	7.4 ²⁵	8.1 ¹³	7.3 ³³	7.9 ²²	7.6 ¹⁴	8.7 ³	8.1 ¹¹	7.3 ²³	Đ			7.6 ²¹	0 0	K	T	TT	
37	Bùi Thị Tuyền	HK1	8.8 ¹	7.6 ¹²	8.4 ¹¹	8.7 ¹	8.4 ⁵	8.3 ⁴	8.4 ¹⁰	8.4 ²	7.1 ²³	8.6 ²	7.3 ²³	Đ			8.2 ²	0 0	G	T	GIOI	
38	Lê Thị Hải Vân	HK1	8.0 ⁹	8.1 ³	8.2 ¹⁷	8.1 ⁵	8.1 ¹³	8.2 ⁶	8.6 ⁴	7.4 ²¹	7.5 ¹⁸	8.2 ⁷	7.7 ⁹	Đ			8.0 ⁵	0 0	G	T	GIOI	
39	Lê Thị Thảo Vân	HK1	7.3 ²⁴	7.8 ⁸	8.5 ⁹	8.0 ⁸	8.5 ³	8.5 ³	8.4 ¹⁰	7.6 ¹⁴	7.6 ¹⁴	7.9 ¹⁹	8.2 ²	Đ			8.0 ⁵	0 0	G	T	GIOI	

Số ngày nghỉ có phép:	3	Hạnh kiểm:	Học lực:	Danh hiệu:
Số ngày nghỉ không phép:	0	- Tốt: 37	- Giỏi: 12	- Giỏi: 12
		- Khá: 2	- Khá: 26	- Tiên tiến: 26
		- Trung bình: 0	- Trung bình: 1	
		- Yếu: 0	- Yếu: 0	
			- Kém: 0	

Ngày..... tháng..... năm
 GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM
 (chữ ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm
 HIỆU TRƯỞNG
 (chữ ký, họ tên, đóng dấu)